

MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ

○ TRỊNH HỮU KHẢ*

Dào tạo (ĐT) nghề giải quyết vấn đề quan trọng trong giải quyết việc làm, giúp người lao động có chuyên môn kỹ thuật, có tay nghề thuận lợi trong mưu cầu cuộc sống.

Để nâng cao chất lượng ĐT nghề, cần chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng (ĐT, BD) GV dạy nghề. Ở góc độ QL, xuất phát từ thực tiễn ĐT của Trường Kỹ thuật phát thanh - truyền hình Thanh Hoá, chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển đội ngũ

Phát triển đội ngũ GV là yếu tố quyết định của nâng cao chất lượng trong ĐT và là thước đo để đánh giá năng lực hoàn thành nhiệm vụ của chính cơ sở ĐT. Tạo cho mọi thành viên trong nhà trường từ người QL cao nhất đến các thành viên, nhân viên phục vụ có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về việc phát triển đội ngũ là yêu cầu của đổi mới GD-ĐT.

Những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao nhận thức phát triển đội ngũ GV bao gồm: + ĐT nâng cao trình độ đội ngũ GV, CBQL để kịp thời dự báo quy hoạch; + Phản ánh kịp thời những nguyện vọng, nhu cầu được BD ĐT, ĐT lại của đội ngũ GV; + Thông tin những nội dung cần ĐT, BD, cập nhật kiến thức tin học, PPDH mới, ngoại ngữ ở mức độ hiệu quả và phù hợp; + Xây dựng chính sách, tiêu chí đối với việc ĐT, BD; + Quán triệt giá trị xã hội của việc ĐT, tự ĐT, BD nâng cao trình độ của mỗi GV; + Tạo thu nhập hợp pháp cho GV nhất là những GV có khó khăn, tạo điều kiện cho các nhân tố mới được thể hiện vai trò của họ; + Xây dựng chính sách ổn định đối với GV (khen thưởng, nâng lương trước thời hạn, tham quan du lịch, giao lưu, tu nghiệp, tiếp xúc với những yếu tố nước ngoài khi có điều kiện thuận lợi, được Nhà nước cho phép và đúng pháp luật); + Có chính sách ưu tiên GV nữ, GV chuyển sang làm công tác QL,...

2. Duy trì và mở rộng liên kết ĐT với các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) và cơ sở ĐT khác

- Xây dựng hành lang pháp lý mềm dẻo giữa các cơ sở ĐT với nhau, xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa nhà trường với các đơn vị SX.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về nhu cầu ngành, nghề ĐT giữa nhà trường với nhà trường, giữa nhà trường với đơn vị SX, khả năng đáp ứng và điều kiện để tổ chức ĐT có hiệu quả.

- Làm tốt công tác marketing trong lĩnh vực ĐT. Gắn ĐT với đăng kí và giới thiệu việc làm, với xuất khẩu lao động, với hướng nghiệp và phân luồng ĐT.

Để làm tốt được những vấn đề trên liên kết ĐT, phía nhà trường cần: + Xác định đúng mục tiêu và chương trình ĐT theo định hướng của ngành và của Bộ LĐTB-XH; + Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể; xây dựng hợp đồng liên kết ĐT phù hợp đảm bảo tỉ lệ tham gia cùng giảng dạy của các bên hài hoà; + Sử dụng có hiệu quả việc dùng các thiết bị vật tư ở các doanh nghiệp vào thực hành, sử dụng thợ giỏi, tay nghề cao ở các cơ sở ĐT khác vào thực hành, khuyến khích các nghệ nhân tham gia hướng dẫn thực hành cho HS; + Khuyến khích và hỗ trợ cơ sở SXKD và HS sau khi tốt nghiệp đến các cơ sở làm việc để sử dụng có hiệu quả ngay những vật tư thiết bị đã được thực hành.

Ngoài việc liên kết với các cơ sở SXKD, nhà trường có thể thành lập các đơn vị dịch vụ, SX ngay trong trường để tiết kiệm thời gian và sử dụng những sản phẩm được làm ra của chính HS và GV.

Kế hoạch ĐT của nhà trường phải được các Phòng, Khoa phối hợp với các cơ sở SX xây dựng trước khi vào năm học; từ đó lập kế hoạch GV, chỉnh lí chương trình, nội dung kiến thức cho phù hợp với thực tế SX trên cơ sở khung chương trình ĐT đã được duyệt. Kế hoạch này cũng dựa trên cơ sở tổng kết của các Khoa, Phòng và cân đối để thực hiện những hoạt động ĐT chung. Việc thực hiện kế hoạch ĐT giao cho các Khoa, Phòng dựa trên sự thoả thuận thống nhất giữa các đơn vị liên kết với nhà trường.

Phòng ĐT thực hiện chức năng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

Ngoài ra, nhà trường cũng nên phối hợp với các Trung tâm giới thiệu việc làm trong tỉnh, các tỉnh bạn để giới thiệu việc làm cho chính HS của nhà trường.

* Trường Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình Thanh Hoá

Đây cũng là cách tạo nên chất lượng "thương phẩm" và bảo hành những "thương phẩm" đã được ĐT.

Hàng năm nhà trường và Sở LĐTĐ-XH tổ chức các đợt thi để chọn GV dạy giỏi; mời một số GV dạy giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia về cùng trao đổi kinh nghiệm, dạy lại để GV nhà trường cùng học tập; mời một số giáo sư, phó giáo sư của các đơn vị liên kết với trường dạy BD chuyên đề. Đây là cách vừa tạo mối quan hệ giao lưu thân thiện, vừa để GV nhà trường nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Điều chỉnh nội dung ĐT trong nhà trường

Đổi mới nội dung chương trình ĐT trước hết gắn nội dung ĐT trong nhà trường với yêu cầu thực tế ngoài xã hội. Giảm sự xa rời giữa lí luận và thực tiễn. Tăng tính chuẩn mực của nội dung, chương trình ĐT, đồng thời tăng sự thống nhất về nội dung giữa các cơ sở ĐT, từ đó có thể tăng cường sự hợp tác, trao đổi lẫn nhau giữa các cơ sở ĐT.

CBQL các Khoa, Phòng nói chung, lãnh đạo nhà trường nói riêng phải chú ý đến việc tập huấn, triển khai việc đổi mới chương trình ĐT và thường xuyên học tập, ôn lại các quy chế của ngành, của nhà trường nhằm làm cho GV và cả CBQL các cấp có ý thức để nắm vững chuyên môn, hiểu được chức năng nhiệm vụ của mình ở từng thời điểm, từ đó làm cho khả năng hoàn thành nhiệm vụ cao hơn.

Các Khoa, Phòng cần xây dựng lịch trình, lập kế hoạch các nội dung đổi mới theo hướng tăng kiến thức thực tế, bài tập thực hành, cải tiến nội dung thực tập tốt nghiệp theo hướng bám sát thực tiễn. Cần giao cho những GV có năng lực tổng hợp và tay nghề tốt để theo dõi phụ trách sau đó báo cáo với các Khoa, Phòng, Tổ bộ môn để mọi người cùng tham gia góp ý, thống nhất.

Chỉ đạo KT định kì và đột xuất về biên soạn bổ sung bài giảng, giáo án. Từ đó có nhận xét đánh giá, biểu dương, nhắc nhở, khen chê kịp thời.

Định kì tổ chức cho các Khoa, Phòng cử cán bộ, GV đi thực tế ở các huyện, các cơ sở SX để nắm bắt những cái mới, những điển hình tiên tiến để đưa vào bài giảng, hoặc đề tài cải tiến trong giảng dạy, trong nghiên cứu khoa học.

Hướng các Tổ bộ môn vào những hoạt động có tính thời sự của chuyên môn mình; giảm bớt những hoạt động sự vụ, hành chính, chung chung. Nâng cao chất lượng hoạt động thực tế ở bộ môn.

Tổ chức giao lưu, báo cáo điển hình (về đổi mới nội dung chương trình, PPDH); mời các cán bộ, chuyên gia có uy tín đến báo cáo thực tế, trao đổi kinh nghiệm,...

4. BD GV thực hiện đổi mới PPDH

Nhà trường phải thường xuyên quán triệt quan điểm và thái độ đối với việc đổi mới PPDH trong toàn thể cán bộ, GV, trong CBQL các cấp. coi đây là nội dung quan trọng có ý nghĩa sống còn đối với quá

trình ĐT, quá trình phát triển GV và phát triển của nhà trường.

Tổ chức hội thảo về đổi mới PPDH. Có thể mời những chuyên gia am hiểu sâu sắc về QL giáo dục và ĐT nói chuyện, BD chuyên đề. Mời GV dạy giỏi và GV ở các trường trung ương về dạy mẫu để toàn trường học tập kinh nghiệm.

Yêu cầu và chỉ đạo các khoa, phòng, các tổ bộ môn đưa nội dung đổi mới PPDH vào kế hoạch công tác hàng quý, học kì của tổ bộ môn, của khoa phòng mình.

Thường xuyên thao giảng tổ chức hội thi GV trong nhà trường để tìm ra GV dạy giỏi. Khuyến khích GV giảng dạy bằng phương tiện hỗ trợ dạy học mới. Sử dụng các phương tiện dạy học đa chức năng. Có được số lượng cần thiết GV dạy giỏi cấp trường để dự thi GV cấp tỉnh và cấp quốc gia.

5. Tăng cường KT đánh giá

- *Đối với GV:* + KT việc thực hiện kế hoạch năm học đã được phân công; có lịch KT thường kì, đột xuất việc thực hiện hồ sơ chuyên môn, kỉ cương nề nếp của nhà trường,... Đối với việc thực hiện quy chế chuyên môn cần tập trung vào những nội dung cụ thể như: việc thực hiện phân phối nội dung, chương trình giảng dạy, tiến độ giảng dạy... thông qua sổ đầu bài và sổ báo giảng; việc chuẩn bị giáo án, các đề cương bài giảng, đồ dùng vật tư cho bài học, tiết giảng; đảm bảo hồ sơ chuyên môn theo mẫu quy định; + Xây dựng kế hoạch KT năm học, từng học kì hoặc đợt học, môn học (xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung phương pháp và cách thức tổ chức KT, đối tượng KT, thời gian KT), thông báo để mọi người biết, cùng theo dõi và thực hiện. KT sự chỉ đạo của các tổ chuyên môn về PPDH, phương pháp đánh giá, cho điểm HS theo quy định; + Cải tiến phương pháp thanh tra, KT, đánh giá chuyên môn đảm bảo tính trung thực, công bằng trong KT, đánh giá.

- *Đối với HS:* Thông qua KT, đánh giá ý thức, tinh thần thái độ, kiến thức thực tế, kĩ năng nghề nghiệp, kết quả học tập của HS. KT đánh giá đúng khả năng của HS góp phần việc điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy phù hợp hơn.

Chất lượng giảng dạy của GV là kết quả học tập của HS được phản ánh trung thực hay bị méo mó thể hiện phần lớn ở khâu thi, KT và cho điểm. Để làm tốt khâu này cần thông báo môn thi, môn KT vào đầu học kì, trong khoá học để HS nắm được; các Khoa, Phòng phải thông báo đề cương ôn tập, các môn thi, KT cho HS trước từ 3-4 tuần để HS có kế hoạch ôn tập; bố trí phòng thi theo đúng quy định; v.v...

Việc KT đánh giá kết quả học tập của HS trong quá trình ĐT phải được tiến hành một cách khoa học, nghiêm túc, đúng quy chế, an toàn, bí mật.

6. Phát triển các nguồn lực để nâng cao chất lượng ĐT

- Tăng cường chỉ đạo, nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh (đầu vào). Coi công tác liên kết trong ĐT là mục tiêu quan trọng để nâng cao trình độ GV, tìm thêm nguồn thu trong liên kết để bổ sung nguồn tài chính trong ĐT.

Để hạn chế những thiếu sót, trong quá trình tuyển chọn và ĐT của nhà trường, cần chú ý: + Thông báo rộng rãi để mọi người rõ về cơ cấu, ngành nghề đang ĐT; + Xây dựng được lôgô, thương hiệu uy tín chất lượng của nhà trường; + Tạo đầu mối với các TT Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề các huyện để cùng tuyển chọn, cùng ĐT những nghề nhà trường có thế mạnh; + Cải tiến cách tiếp nhận hồ sơ HS theo hướng chuyên môn hoá để có thể giải thích, trả lời ngay cho thí sinh; + Tăng cường trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau giữa trường với các cơ sở ĐT khác và mở rộng ĐT liên thông, tiết kiệm thời gian và tiền bạc cho người học mở ra cơ hội tìm việc làm và nâng cao trình độ của HS; + Duy trì thường xuyên chặt chẽ việc thi, KT, sát hạch tay nghề của HS; v.v...

- Đầu tư và QL CSVC trang thiết bị dạy nghề: + Xây dựng kế hoạch huy động vật lực, tài lực trong QL xây dựng CSVC phục vụ cho công tác dạy và học. Nguồn lực đảm bảo cho việc đầu tư CSVC trang thiết bị dạy học gồm kinh phí đầu tư của Nhà nước cấp cho nhà trường hàng năm; kinh phí tự có do liên kết ĐT và ĐT ngắn hạn, kinh phí trong dịch vụ mang lại để tái mở rộng CSVC trong ĐT; + Phát huy nội lực từ GV, HS trong việc tạo ra vật lực phục vụ giảng dạy và học tập; + Đầu tư vào CSVC, trang thiết bị hiện đại; v.v...

Ngoài nguồn chi từ ngân sách, từ chương trình mục tiêu cho ĐT nghề cần sử dụng giải pháp hỗ trợ,

tặng lại các sản phẩm tự làm, những kết quả từ bài tập lớn của HS và của thầy, trò kết hợp làm ra. Kêu gọi sự đầu tư, hỗ trợ từ các đơn vị SXKD, làm từ thiện hoặc các cơ sở liên kết để làm phong phú thêm cho danh mục thực hành, tham quan,...

- Giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn tài chính. Đảm bảo chi dùng có hiệu quả theo hướng tiết kiệm, sử dụng có trọng tâm, trọng điểm đúng luật ngân sách, đúng mục đích và đúng đối tượng. Xây dựng quy chế QL, sử dụng, bảo quản, khấu hao, bổ sung CSVC trang thiết bị dạy học. Phát động tự làm đồ dùng dạy học, mô hình học cụ;...

- Làm tốt việc QL CSVC kĩ thuật không chỉ là xây dựng kế hoạch tăng cường trang thiết bị vật tư thực hành mà điều quan trọng là tổ chức thực hiện kế hoạch và chỉ đạo sao cho nơi sử dụng, người sử dụng chủ động trong QL thiết bị vật tư: xưởng thực hành, các Khoa, Phòng dự trù kinh phí, mua sắm bổ sung thiết bị mới hoặc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cũ; sử dụng đúng kế hoạch (khi cần thiết phải điều chuyển, thay đổi phải được sự phê chuẩn của cấp có thẩm quyền). □

Tài liệu tham khảo

1. F.F. Annapu. **Quản lí là gì?**. NXB Khoa học và kĩ thuật, H 1994.
2. Nguyễn Minh Đường. *Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới* (Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX07-14), H 1996.
3. Quyết định số 48/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ và việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2002-2010.
4. Quyết định số 1000/2005 QĐ-BLĐTBXH ngày 7/6/2005 của Bộ trưởng Bộ LĐTB và XH về việc phê duyệt đề án phát triển dạy nghề đến 2010.